

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG SINH LỜI VÀ TĂNG TRƯỞNG TẠI DOANH NGHIỆP

Ths. Trần Minh Giang*

Bài viết tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng doanh nghiệp đặc biệt nhấn mạnh các chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời gắn với trách nhiệm môi trường và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thông qua nghiên cứu thực tiễn sử dụng các chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng tại các doanh nghiệp ở các nước trên thế giới như Anh, Mỹ, Nhật Bản, tác giả thấy rằng các doanh nghiệp hàng đầu tại các nước đã vượt ra khỏi các chỉ tiêu tài chính truyền thống, sử dụng thêm các chỉ tiêu gắn với trách nhiệm môi trường và xã hội để đáp ứng yêu cầu pháp lý, kỳ vọng của nhà đầu tư và chiến lược phát triển bền vững. Thông qua các kinh nghiệm trên thế giới, bài viết rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về xây dựng chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng.

• Từ khóa: khả năng sinh lời, tăng trưởng, doanh nghiệp.

The article synthesizes international experiences concerning analytical indicators for corporate profitability and growth, with a particular emphasis on profitability metrics integrated with corporate environmental and social responsibility. Based on empirical research into the application of profitability and growth indicators by corporations in nations such as the United Kingdom, the United States, and Japan, the author observes that leading firms in these economies have transcended traditional financial metrics. They increasingly incorporate indicators associated with environmental and social responsibility to comply with regulatory demands, meet investor expectations, and align with sustainable development strategies. Drawing upon these international practices, the paper extracts key lessons and implications for Vietnam regarding the development and establishment of analytical frameworks for corporate profitability and growth, advocating for the integration of these broader sustainability dimensions.

• Key words: profitability, growth, enterprises.

Ngày gửi bài: 14/01/2025

Ngày gửi phản biện: 24/02/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 14/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 15/5/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i289.24>

1. Mở đầu

Phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng là hoạt động cốt lõi và cung cấp thông tin thiết yếu cho việc đánh giá sức khỏe tài chính và hoạch định chiến lược phát triển của doanh nghiệp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp không chỉ là tối đa hóa lợi nhuận

truyền thống mà còn phải đảm bảo tăng trưởng bền vững, gắn liền tăng trưởng của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội và môi trường. Theo tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD, tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp bao gồm việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, duy trì khả năng cạnh tranh dài hạn và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên để hỗ trợ các thế hệ hiện tại và tương lai. Trong bối cảnh đó, phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng tại doanh nghiệp giữ vai trò then chốt trong công tác quản trị tài chính và hoạch định chiến lược. Tuy nhiên, thực tế nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy nhiều doanh nghiệp chưa khai thác hiệu quả công cụ phân tích tài chính giúp công ty đạt được chiến lược đặt ra. Trong khi đó, doanh nghiệp tại những nền kinh tế phát triển như Anh, Mỹ, Nhật Bản đã xây dựng chỉ tiêu phân tích tiên tiến, tích hợp sử dụng chỉ tiêu tài chính và phi tài chính một cách hiệu quả. Điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu công bố thông tin mà còn là công cụ đắc lực giúp nhà quản trị đánh giá thực trạng, xác định thực chất động lực tăng trưởng và đưa ra chiến lược linh hoạt, cân bằng giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội và môi trường.

Bài viết sẽ đi sâu vào nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng tại các công ty tiêu biểu như Unilever (Anh), Microsoft (Mỹ) và Toyota (Nhật Bản). Từ đó, bài viết rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn và đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi cho doanh nghiệp Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tập trung vào phân tích tài liệu thứ cấp. Tác giả tiến hành thu thập và tổng hợp thông tin từ nguồn thông tin đa dạng bao gồm báo cáo thường niên, báo cáo chiến lược, báo cáo phát triển bền vững của các công ty tiêu biểu tại Anh, Mỹ, Nhật Bản và tiếp cận

* Học viện Tài chính; email: tranminhgiang@hvtc.edu.vn

với các quy định pháp lý về công bố thông tin của các cơ quan quản lý các nước; các chuẩn mực và khuôn khổ báo cáo quốc tế như GRI, TCFD, CDP...

2. Kinh nghiệm quốc tế về chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng

Chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng tại Anh

Tại Anh, bối cảnh pháp lý đặt ra yêu cầu tương đối cao về báo cáo thông tin phi tài chính. Dưới tác động của các quy định pháp lý, yêu cầu từ nhà đầu tư và kỳ vọng của xã hội, Chính phủ Anh đã thiết lập một số khuôn khổ pháp lý và hướng dẫn nhằm tăng cường tính minh bạch trong báo cáo ESG, tiêu biểu là Đạo luật công ty (Companies Act) và các khuyến nghị từ Lực lượng đặc nhiệm về công bố thông tin liên quan đến khí hậu (TCFD). Các công cụ pháp lý này yêu cầu các doanh nghiệp quy mô lớn phải công bố thông tin liên quan đến hiệu quả thực hiện ESG, bao gồm tác động đến môi trường, quan hệ lao động, đóng góp xã hội.

Unilever là một công ty có quy mô lớn và có tốc độ tăng trưởng cao trong ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) tại Anh. Báo cáo chiến lược năm 2024 của Unilever đã sử dụng các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời như sau:

Bảng 1. Chỉ tiêu tài chính phản ánh khả năng sinh lời và tăng trưởng tại Unilever

Chỉ tiêu	Công thức tính	Ý nghĩa
Khả năng sinh lời		
Biên lợi nhuận hoạt động	$\frac{\text{Lợi nhuận hoạt động}}{\text{Doanh thu thuần}}$	
Biên lợi nhuận hoạt động điều chỉnh	$\frac{\text{Lợi nhuận hoạt động điều chỉnh}}{\text{Doanh thu thuần}}$ Lợi nhuận hoạt động điều chỉnh là lợi nhuận hoạt động sau khi điều chỉnh các khoản mục bất thường như: lãi lỗ từ thanh lý doanh nghiệp, chi phí liên quan đến mua bán và thanh lý, chi phí tái cấu trúc, tổn thất do giảm giá trị tài sản, các hoạt động đơn lẻ khác.	
EPS điều chỉnh	$\frac{\text{LN điều chỉnh phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ}}{\text{Số lượng CP phổ thông pha loãng trong kỳ}}$ Lợi nhuận điều chỉnh phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ loại trừ tác động sau thuế của các khoản mục ngoài hoạt động kinh doanh cốt lõi.	Phản ánh lợi nhuận cốt lõi tương ứng với mỗi đơn vị cổ phiếu của công ty.
ROIC	$\frac{\text{Lợi nhuận hoạt động sau thuế đã điều chỉnh}}{\text{Vốn đầu tư bình quân}}$ Trong đó: - Vốn đầu tư bao gồm giá trị của tài sản vận hành thuần bao gồm lợi thế thương mại, tài sản vô hình, tài sản cố định hữu hình, tài sản thuần nắm giữ để bán, hàng tồn kho, các khoản phải thu thương mại và phải thu ngắn hạn khác, sau khi trừ các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả ngắn hạn khác. - Vốn đầu tư bình quân được tính bằng cách lấy vốn đầu tư tại đầu kỳ cộng cuối kỳ, sau đó chia 2.	Phản ánh giá trị tạo ra trong dài hạn, khuyến khích việc tái đầu tư có lãi của công ty.
ROA điều chỉnh	$\frac{\text{Lợi nhuận hoạt động sau thuế đã điều chỉnh}}{\text{Tài sản thuần bình quân}}$ Trong đó, tài sản thuần bao gồm tài sản cố định (PPE), tài sản thuần nắm giữ để bán, hàng tồn kho, các khoản phải thu sau khi trừ các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả ngắn hạn khác. - Tài sản thuần bình quân được tính bằng cách lấy tài sản thuần tại đầu kỳ cộng cuối kỳ chia 2.	Phản ánh khả năng tạo ra lợi nhuận từ tài sản thuần bình quân, giúp công ty đánh giá chiến lược đầu tư trong tập đoàn.
Tính hình tăng trưởng		
Tăng trưởng doanh thu	$\frac{\text{Doanh thu thuần năm nay} - \text{Doanh thu thuần năm trước}}{\text{Doanh thu thuần năm trước}} \times 100$	Phản ánh tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần
Tăng trưởng doanh thu điều chỉnh	Loại trừ các yếu tố ảnh hưởng tăng trưởng doanh thu thuần như: tăng/giảm doanh thu từ hoạt động mua bán - sáp nhập, từ biến động tỷ giá hối đoái, và mức tăng giá vượt quá 26% tại các nền kinh tế siêu lạm phát (IAS29).	Phản ánh tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần điều chỉnh.

Nguồn: Báo cáo chiến lược năm 2024 của công ty Unilever

Các chỉ tiêu tài chính điều chỉnh này đã phản ánh áp lực từ thị trường và nhà đầu tư muốn nhìn sâu vào hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi, loại bỏ các yếu tố bất thường hoặc không lặp lại. Chỉ tiêu ROIC điều chỉnh đặc biệt quan trọng trong ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) vì nó cho thấy khả năng công ty tạo ra lợi nhuận từ vốn đầu tư vào thương hiệu, sản xuất và phân phối - một thước đo hiệu quả sử dụng vốn dài hạn mà các nhà đầu tư rất quan tâm.

Ngoài các chỉ tiêu tài chính phản ánh khả năng sinh lời và tốc độ tăng trưởng, công ty còn sử dụng các chỉ tiêu phi tài chính phản ánh trách nhiệm xã hội và trách nhiệm môi trường:

Bảng 2. Chỉ tiêu phi tài chính thể hiện trách nhiệm xã hội, môi trường của Unilever

Chỉ tiêu	Ý nghĩa	Giá trị kế hoạch năm 2030
Giảm phát thải tuyệt đối khí nhà kính Phạm vi 1 & 2	Phát thải khí nhà kính Phạm vi 1 & 2 giảm so với năm 2015	Giảm 100% với mức cơ sở năm 2015
Giảm phát thải tuyệt đối khí nhà kính Phạm vi 3 - lĩnh vực năng lượng và công nghiệp (E&I)	Phát thải khí nhà kính Phạm vi 3 giảm so với năm 2021	Giảm 42% với mức cơ sở năm 2021
Giảm phát thải tuyệt đối khí nhà kính Phạm vi 3 - lĩnh vực rừng, đất và nông nghiệp (FLAG)	Phát thải khí nhà kính Phạm vi 1 & 2 giảm so với năm 2021	Giảm 30,3% với mức cơ sở 2021
Diện tích đất nông nghiệp thực hành nông nghiệp tái sinh	Diện tích đất nông nghiệp thực hành nông nghiệp tái sinh	1 triệu hecta
Diện tích hệ sinh thái tự nhiên phục hồi	Diện tích hệ sinh thái tự nhiên phục hồi	1 triệu hecta
Tỷ lệ sản lượng cây trồng chủ lực có nguồn gốc bền vững	Cây trồng chủ lực có nguồn vốn bền vững Cây trồng chủ lực	95%
Khu vực triển khai chương trình quản lý tài nguyên nước	Khu vực triển khai chương trình là khu vực căng thẳng về nước.	100 khu vực

Nguồn: Báo cáo chiến lược năm 2024 của công ty Unilever

Việc tự nguyện áp dụng các chuẩn mực quốc tế như GRI, SASB, CDP giúp Unilever chuẩn hóa thông tin, thu hút các nhà đầu tư.

Chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng tại Mỹ

Xét chỉ tiêu tài chính, theo Viện CFA (2023), để đánh giá về khả năng sinh lời của doanh nghiệp, các nhà phân tích Mỹ sử dụng chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời bao gồm các chỉ tiêu biên lợi nhuận như: biên lợi nhuận gộp, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận trước thuế hoặc biên lợi nhuận sau thuế và các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời từ vốn như: ROA từ hoạt động kinh doanh, ROA, khả năng sinh lời từ tổng vốn, ROE, khả năng sinh lời từ cổ phần thường.

Xét đến chỉ tiêu phi tài chính, tuy là nước tiên phong trong tăng trưởng bền vững, đặc biệt xét đến quy mô tài sản đầu tư vào lĩnh vực ESG, Mỹ chưa có quy định pháp lý đầy đủ liên quan đến báo cáo và công bố thông tin về xã hội và môi trường. Ngày 6/3/2024, Ủy ban chứng khoán và Giao dịch Hoa Kỳ thông qua quy định về công bố thông tin ESG. Tuy nhiên, đến

nay quy định vẫn chưa có hiệu lực do thách thức pháp lý. Hiện nay, các công ty niêm yết lớn tự nguyện công bố thông tin ESG nhằm đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư, quản trị rủi ro, gia tăng thương hiệu và nâng cao lợi thế cạnh tranh dựa trên các khuôn khổ quốc tế như GRI, SASB, CDP.

Lĩnh vực công nghệ thông tin luôn đóng góp lớn vào GDP và thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhà đầu tư tại Mỹ. Công ty Microsoft được lựa chọn là công ty điển hình để phân tích do có quy mô lớn với lịch sử hình thành phát triển lâu dài, hệ thống báo cáo tài chính minh bạch công khai. Microsoft công bố chỉ tiêu khả năng sinh lời bao gồm: biên lợi nhuận gộp, biên lợi nhuận hoạt động, EPS pha loãng, chỉ tiêu phản ánh tình hình tăng trưởng bao gồm: tăng trưởng doanh thu, chi tiết tăng trưởng doanh thu theo bộ phận. Các chỉ tiêu phi tài chính của Công ty Microsoft công bố bao gồm: phát thải khí nhà kính theo phạm vi 1, 2, 3, lượng chất thải được chuyển hướng khỏi bãi rác và lò đốt, số m³ nước được bổ sung thông qua dự án tái tạo nguồn nước đã được ký kết tính đến cuối năm 2023, số vốn phân bổ cho các công nghệ khí hậu thông qua Quỹ đổi mới khí hậu...

Chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng tại Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia thúc đẩy mạnh mẽ quy định tích hợp thông tin tài chính và phi tài chính từ cả Chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước. Các doanh nghiệp Nhật Bản ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc lồng ghép các yếu tố ESG vào quá trình ra quyết định chiến lược doanh nghiệp. Quy mô tài sản bền vững được quản lý tại Nhật Bản đã tăng gấp sáu lần trong giai đoạn 2016 - 2020, đạt tổng giá trị 2,8 nghìn tỷ USD, xếp thứ ba toàn cầu. Xu hướng báo cáo tích hợp là xu hướng phổ biến với doanh nghiệp Nhật Bản, phản ánh triết lý quản lý tập trung và tạo ra giá trị dài hạn cho các bên có liên quan.

Toyota được lựa chọn là công ty tiêu biểu niêm yết tại sàn chứng khoán Prime tại Nhật Bản. Theo báo cáo tích hợp năm 2024 của Toyota, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời và tình hình tăng trưởng trên khía cạnh tài chính thể hiện ở Bảng 3.

Các chỉ tiêu tài chính này phản ánh khả năng sinh lời và tăng trưởng của Toyota về khía cạnh kinh tế. Đặc biệt do Toyota có hoạt động toàn cầu và nhu cầu thông tin của nhà đầu tư quốc tế, công ty đã tính toán và công bố các chỉ tiêu theo cả IFRS và GAAP.

Bảng 3. Chỉ tiêu tài chính phản ánh khả năng sinh lời và tăng trưởng tại Toyota

Chỉ tiêu	Công thức tính	Ghi chú
Khả năng sinh lời		
ROA	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản bình quân}}$	Các chỉ tiêu được tính toán trên 2 cơ sở IFRS và GAAP.
ROE	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$	Các chỉ tiêu được tính toán trên 2 cơ sở IFRS và GAAP.
Biên lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$	
Tình hình tăng trưởng		
Tăng trưởng doanh thu thuần	$\frac{\text{Doanh thu thuần năm nay} - \text{Doanh thu thuần năm trước}}{\text{Doanh thu thuần năm trước}}$	-1
Tăng trưởng lợi nhuận hoạt động kinh doanh	$\frac{\text{LN hoạt động kinh doanh năm nay} - \text{LN hoạt động kinh doanh năm trước}}{\text{LN hoạt động kinh doanh năm trước}}$	-1

Nguồn: Báo cáo tích hợp năm 2024 của Toyota

Bảng 4. Chỉ tiêu phi tài chính thể hiện trách nhiệm xã hội, môi trường của Toyota

Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Cách Đo lường
Xã hội		
An toàn Sản phẩm	Giảm tai nạn giao thông liên quan đến xe Toyota	Phát triển và triển khai các công nghệ an toàn
An toàn Lao động	Tỷ lệ tai nạn lao động	Số vụ tai nạn gây mất thời gian làm việc trên số giờ làm việc chuẩn hóa
Nhân sự & Phát triển Con người	Tỷ lệ nữ quản lý	% phụ nữ giữ vị trí quản lý
	Đào tạo và Phát triển	Số giờ đào tạo trung bình/nhân viên; Mức đầu tư vào đào tạo
Khách hàng	Mức độ hài lòng của khách hàng	Dựa trên khảo sát hoặc các bảng xếp hạng độc lập
Chuỗi Cung ứng Bền vững	Đánh giá nhà cung cấp về ESG	% nhà cung cấp được đánh giá về tuân thủ nhân quyền, lao động, môi trường
Môi trường		
Biến đổi Khí hậu (CO ₂)	Giảm phát thải CO ₂ vòng đời xe	% giảm so với năm cơ sở
	Giảm phát thải CO ₂ trong sản xuất	% giảm tổng lượng phát thải hoặc tấn CO ₂ /xe sản xuất so với năm cơ sở.
Điện khí hóa	Tỷ lệ/Số lượng xe điện hóa bán ra (HEV, PHEV, BEV, FCEV)	% trên tổng doanh số toàn cầu hoặc số lượng xe tuyệt đối.
Tài nguyên (Nước, Chất thải)	Giảm lượng nước sử dụng	m ³ nước/xe sản xuất hoặc % giảm tổng lượng sử dụng so với năm cơ sở.
	Tỷ lệ tái chế / Giảm chất thải	% tỷ lệ tái chế chất thải tại nhà máy; Lượng chất thải phát sinh/xe sản xuất.
Năng lượng tái tạo	Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất	% điện năng tái tạo trên tổng điện năng tiêu thụ tại các nhà máy.

Nguồn: Báo cáo dữ liệu bền vững năm 2024 của Toyota

Các chỉ tiêu phi tài chính thể hiện trách nhiệm xã hội và môi trường này đã phản ánh đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất ô tô, cũng như nỗ lực của công ty trong việc thực hiện chiến lược của Toyota theo “Thủ thách môi trường Toyota” năm 2050 nhằm mục tiêu giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

3. Bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam

Qua nghiên cứu kinh nghiệm về chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng của các nước, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng và chiều sâu của các chỉ tiêu tài chính truyền thống. Các doanh nghiệp Việt Nam thay vì chỉ dừng lại ở các chỉ tiêu cơ bản tính toán trực tiếp từ Báo cáo tài chính theo chuẩn

mức kế toán Việt Nam (VAS) thì cần học hỏi các công ty trên thế giới để tính toán các chỉ tiêu điều chỉnh như Biên lợi nhuận hoạt động điều chỉnh, EPS điều chỉnh, ROIC điều chỉnh, ROA điều chỉnh... Thông qua hiệu chỉnh các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, doanh nghiệp có thể loại bỏ yếu tố bất thường như lãi lỗ từ thanh lý tài sản, chi phí tái cấu trúc... để phản ánh chính xác hơn hiệu quả của hoạt động kinh doanh cốt lõi và tạo ra giá trị bền vững cho doanh nghiệp. Để làm được như vậy các doanh nghiệp cần xây dựng quy trình kế toán rõ ràng để dễ dàng xác định các yếu tố điều chỉnh, đảm bảo tính nhất quán giữa các kỳ. Các doanh nghiệp cũng cần công bố cách thức tính toán các chỉ tiêu điều chỉnh trên báo cáo thường niên nhằm phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư và nhà quản trị.

Thứ hai, đa dạng hóa và chuẩn hóa chỉ tiêu tăng trưởng. Phân tích tăng trưởng không chỉ dừng lại ở con số tỷ lệ tăng giảm của doanh thu. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy cần phải phân tích rõ ràng các động lực tăng trưởng doanh thu như tăng trưởng do mua bán sáp nhập, ảnh hưởng của tỷ giá, ảnh hưởng của lạm phát... đồng thời phân tích tăng trưởng chi tiết theo từng dòng sản phẩm, khu vực địa lý, kênh phân phối, bóc tách yếu tố giá bán và sản lượng tiêu thụ, thay đổi cơ cấu sản phẩm. Để làm được như vậy các doanh nghiệp Việt Nam cần thiết lập hệ thống theo dõi doanh thu theo nhiều chiều (sản phẩm, vùng, kênh...). Khi phân tích tình hình tăng trưởng doanh thu, doanh nghiệp cần lượng hóa ảnh hưởng của các yếu tố như sự biến động về giá bán, về sản lượng tiêu thụ, cơ cấu sản phẩm tiêu thụ, hay do mua bán sáp nhập, lạm phát... Nếu đạt được như vậy, các doanh nghiệp sẽ đánh giá hiệu quả chiến lược kinh doanh, xác định động lực tăng trưởng tiềm năng trong tương lai.

Thứ ba, chủ động xây dựng và công bố bộ chỉ tiêu tăng trưởng bền vững ESG. Xu thế công bố thông tin ESG là không thể đảo ngược. Dù mức độ bắt buộc khác nhau (Anh yêu cầu cao hơn so với Mỹ, Nhật), các công ty lớn đều chủ động công bố thông tin môi trường, xã hội và quản trị theo chuẩn mực quốc tế như GRI, SASB, TCFD, CDP. Các doanh nghiệp Việt Nam không nên chờ đợi quy định bắt buộc mà cần chủ động công bố thông tin ESG. Thông thường khi bắt đầu xây dựng chỉ tiêu ESG thì doanh nghiệp nên tham khảo theo GRI. Đặt ra mục tiêu cụ thể và bắt đầu thu thập tài liệu và có lộ trình. Giai đoạn 1 - tập trung vào các chỉ tiêu cơ bản: các doanh nghiệp có thể tập trung vào công bố các thông tin dễ thu thập như giảm tiêu thụ điện/ nước trên đơn vị sản phẩm, tỷ lệ chất thải tái chế, số giờ đào tạo của nhân viên, tỷ lệ nữ quản lý... Giai đoạn 2 - chuẩn hóa các chỉ

tiêu ESG theo GRI. Điều này về cơ bản là thách thức không nhỏ đối với doanh nghiệp Việt Nam do chi phí ban đầu cho việc thu thập dữ liệu, xây dựng quy trình, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao cho ESG, áp lực đạt được các mục tiêu công bố.

Thứ tư, mở rộng nguồn dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong phân tích. Phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng không chỉ dựa vào thông tin tài chính. Các doanh nghiệp lớn trên thế giới đã tích hợp dữ liệu tài chính với dữ liệu hoạt động như dữ liệu thị trường, dữ liệu chuỗi cung ứng, dữ liệu ESG... Để xử lý khối lượng lớn dữ liệu, các doanh nghiệp đã áp dụng phương pháp, kỹ thuật phân tích mới như BI, phân tích dữ liệu lớn để xử lý khối lượng lớn dữ liệu, trực quan hóa thông tin và đưa ra dự báo, phân tích kích bản. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức tầm quan trọng của dữ liệu phi tài chính (thông tin khách hàng, hiệu quả vận hành, dữ liệu nhà cung cấp...) để tích hợp vào hệ thống phân tích, sử dụng các phần mềm BI chuyên dụng thay vì chỉ sử dụng Excel, đào tạo nhân sự có chất lượng cao trong phân tích dữ liệu.

Thứ năm, tiếp cận linh hoạt chuẩn mực báo cáo và thông lệ quốc tế. Mặc dù vẫn tuân thủ chuẩn mực kế toán quốc gia, các doanh nghiệp trên thế giới vẫn áp dụng thông lệ tốt nhất và các chỉ tiêu được thị trường quan tâm. Trong bối cảnh Việt Nam đang trong lộ trình áp dụng IFRS và nâng hạng thị trường chứng khoán, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động tìm hiểu và chuẩn bị cho việc công bố báo cáo theo IFRS. Các doanh nghiệp niêm yết có quy mô lớn có thể xem xét lập báo cáo tài chính theo IFRS song song với VAS hoặc ít nhất thuyết minh sự khác biệt trọng yếu và cung cấp chỉ tiêu tính theo thông lệ quốc tế mà nhà đầu tư quan tâm. Công bố thông tin về cách tính toán chỉ tiêu để người đọc báo cáo hiểu rõ và có thể so sánh được. Mặc dù trong giai đoạn đầu, chi phí chuyển đổi theo IFRS, chi phí đào tạo nhân sự có thể gây ra khó khăn ban đầu.

Tài liệu tham khảo:

- Cicchiello, A. F., Marrazza, F., & Perdicchi, S. (2023). "Non-financial disclosure regulation and environmental, social, and governance (ESG) performance: The case of EU and US firms", *Corporate Social Responsibility and Environmental Management*, 30(3), tr. 1121-1128.
- GSIA, Global Sustainable Investment Alliance (2020), *Global Sustainable Investment Review*. GSIA.
- Institute, CFA (2023), *Financial Statement Analysis*, Corporate Issuers.
- Microsoft (2024), *Annual Report*
- Microsoft (2024), *Earnings Releases*
- OECD (2011), *Towards Green Growth*, OECD Green Growth Studies, OECD Publishing, Paris.
- Toyota (2024), *Integrated Report*.
- Unilever (2024), *Annual Report*.
- Moussa, Ahmed Saber, and Mahmoud Elmarzouky. (2024). "Sustainability Reporting and Market Uncertainty: The Moderating Effect of Carbon Disclosure", *Sustainability*, 16: 5290.
- Zhang, Y., Nakajima, T., & Hamori, S. (2021). "How does the environmental, social, and governance index impact the financial market and macroeconomy? In *ESG Investment in the Global Economy*", Springer, tr. 71-100.